TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày 23-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Tạ Thị Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H (tên gọi khác H), sinh năm 1997 tại Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Khu bờ đê, tổ dân phố số 01, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04-7-2023; có mặt.

2. Cao Anh V, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2003 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Khu bờ đê, tổ dân phố số 01, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Cao Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ 03-7-2023 đến ngày 06-7-2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Văn C (tên gọi khác C), sinh năm 2004 tại Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Khu bờ đê, tổ dân phố số 01, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ 07-7-2023 đến ngày 10-7-2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty TNHH muối K; địa chỉ: Tổ dân phố P 1, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Chiến T - Phó Giám đốc Công ty (theo giấy Ủy quyền số 57GUQ/2023 ngày 01-11-2023); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Khúc Duy Q, sinh năm 1974; chỗ ở hiện nay: Số 20C Đ 2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1966; chỗ ở hiện nay: Đ 2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn H, Cao Anh V và Nguyễn Văn C đã rủ nhau đi trộm tài sản của Công ty TNHH muối K. Các lần trộm cắp tại Công ty TNHH muối K như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 28-4-2023, H lấy thuyền gỗ của bà Trần Thị H chèo đến Công ty K. Thấy không có bảo vệ trông coi, H đi vào khu vực nhà kho tháo lạt nhựa buộc cánh cửa vào trong lấy 02 mô tơ, 01 dây hàn, 01 dây điện mang ra thuyền chở về để ở gầm cầu Rào. Sau đó H gặp và nhờ anh Nguyễn Văn Xuân chở đến cửa hàng cơ khí của anh Khúc Duy Q, H dẫn anh Q ra cầu Rào bán hết số tài sản trộm cắp cho anh Q được 1.700.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 30-4-2023, H rủ V và C (em trai H) đi trộm cắp,V và C đồng ý. C chèo thuyền gỗ chở H và V đến Công ty TNHH muối K, thấy không có bảo vệ cả ba đi vào khu vực nhà kho tháo dây lạt nhựa buộc cửa, vào trong lấy 06 mô tơ mang về chòi của bà Nguyễn Thị Bích (bà ngoại của V) ở bờ đê thuộc tổ dân phố 1, phường C cất giấu. Sau đó, V gọi điện cho ông Nguyễn Duy L đến và bán cho ông L 06 mô tơ trên được 2.200.000 đồng. H chia cho V và C mỗi người 650.000 đồng, còn H hưởng 900.000 đồng.

Lần thứ ba: Trưa ngày 01-5-2023 C và V chèo thuyền đến nhà kho của Công ty TNHH muối K tiếp tục trộm cắp 05 dây điện các loại mang bán cho ông Nguyễn Duy L với giá 2.400.000 đồng, mỗi người chia nhau 1.200.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 01-5-2023, C và V tiếp tục quay lại Công ty TNHH muối K lấy 05 đoạn dây điện; 01 máy mài hiệu Makita và 01 bao đựng 05 kg lõi dây điện rồi mang về cất tại nhà bà Bích. Sáng ngày 02-5-2023 V, C bán cho ông

L số dây điện được 3.070.000 đồng, mỗi người chia nhau 1.535.000 đồng còn máy mài Makita vẫn để lại tại nhà bà Bích.

Ngày 05-5-2023 Công ty TNHH TNHH muối K có đơn trình báo Công an quận D về việc bị mất trộm một số tài sản. Ngày 03-7-2023 Cao Anh V, ngày 07-7-2023 Nguyễn Văn C đến cơ quan Công an đầu thú, ngày 04-7-2023 Nguyễn Văn H bị bắt về tội trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 27-6-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận D, kết luận:

- Tài sản bị trộm cắp ngày 28-4-2023 gồm: dây hàn 9,6m giá 90.000 đồng, dây điện màu đen dài 8m giá 60.000 đồng,01 mô tơ 4KW giá 2.050.000 đồng, 01 mô tơ 4KW giá 2.150.000 đồng;

- Tài sản bị trộm cắpngày 30-4-2023 gồm: 01 mô tơ giảm tốc 2,2KW giá 2.300.000 đồng, 01 mô tơ 1,5KW giá 1.250.000 đồng, 01 mô tơ 2,2 KW giá 1.500.000 đồng, 01 mô tơ 3KW giá 1.550.000 đồng, 01 mô tơ 1,5KW giá 1.050.000 đồng, 01 mô tơ 2,5KW giá 2.900.000 đồng;

- Tài sản bị trộm cắp trưa ngày 01-5-2023 gồm: dây điện màu đen 01 lõi dài 15m có giá 270.000 đồng, dây điện cadi-sun màu đen 04 lõi dài 20m có giá 450.000 đồng, dây điện màu đen 04 lõi dài 5m giá 120.000 đồng, dây điện 3 pha Samwon dài 4,6m giá 90.000 đồng, dây điện 3 pha Lioa Electric dài 4,9m giá 90.000 đồng;

- Tài sản bị trộm cắp đêm ngày 01-5-2023 gồm: dây điện 02 pha màu đen dài 8,4m giá 60.000 đồng, dây điện 03 pha 04 lõi dài 4,2m giá 90.000 đồng, dây điện Hwangsung dài 7,5m giá 450.000 đồng, dây điện Heesung dài 12,2m giá 750.000 đồng, dây diện Cosmolink dài 5,8m giá 240.000 đồng, các sợi dây lõi dây điện có khối lượng 05kg giá 400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 17.910.000 đồng; 01 máy mài Makita hiện chưa thu hồi nên chưa đủ căn cứ để định giá.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra xác định 08 mô tơ điện;12 cuộn dây các loại và 05 kg lõi dây điện là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH muối K, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở H.Trả lại 01 thuyền gỗ cho chủ sở H hợp pháp là bà Trần Thị H. 01 máy mài hiệu Makita quá trình điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Muối K đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, đối với 01 máy mài hiệu Makita chưa thu hồi được nhưng Công ty không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Ông Nguyễn Duy L và anh Khúc Duy Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã mua tài sản.

Trong vụ án này đối với anh Khúc Duy Q và ông Nguyễn Duy L là những người mua tài sản trộm cắp của các bị can. Quá trình điều tra không chứng minh được anh Q và ông L phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị Bích không biết các bị can cất giấu tài sản trong nhà mình, bà Trần Thị H không biết các bị can sử dụng thuyền của mình để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Đối với mày mài Makita do chưa thu hồi được, vì vậy Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm để xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 29-9-2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C, Cao Anh V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã mua tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa trình bày luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H với mức án từ 21 đến 24 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C, Cao Anh V với mức án từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng đối với bị cáo.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong, không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 28-4-2023 đến ngày 01-5-2023 tại công ty TNHH muối K ở tổ dân phố P 1, phường A, quận D bị cáo Nguyễn Văn H đã 02 lần trộm cắp tài sản trị giá 14.900.000 đồng; Cao Anh V và Nguyễn Văn C đã 03 lần trộm cắp tài sản trị giá 13.560.000 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH muối K là 17.910.000 đồng; trong đó: Ngày 28-4-2023 H chiếm đoạt tài sản trị giá 4.350.000 đồng; ngày 30-4-2023 H, C, V chiếm đoạt tài sản trị giá 10.550.000 đồng; trưa ngày 01-5-2023 C, V chiếm đoạt tài sản trị giá 1.020.000 đồng, đêm ngày 01-5-2023 C, V chiếm đoạt tài sản trị giá 1.990.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận D truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ vai trò, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo để cá thể hóa trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, H là người thực hiện hành vi phạm tội trước, sau đó rủ C và V cùng tham gia chiếm đoạt tài sản của bị hại nên xác định H có vai trò C trong vụ án, C và V có vai trò ngang nhau và thấp hơn vai trò của H.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo C, V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Bị cáo H thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản với số tiền chiếm đoạt mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội hai lần trở lên"* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo V, C sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[6.1] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở H hợp pháp của công ty là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, nhưng là người có vai trò C, đề xuất và rủ rê các bị cáo khác, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 2 lần trở lên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội bằng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6.2] Đối với bị cáo C và bị cáo V: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng C sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác Nguyễn Văn H);

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Cao Anh V, Nguyễn Văn C (tên gọi khác là Chiến);

+ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác Nguyễn Văn H), Cao Anh V, Nguyễn Văn C (tên gọi khác là C) đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác Nguyễn Văn H) **21** (hai mươi mốt) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2023.

+ Xử phạt bị cáo Cao Anh V **15** (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30** (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C (tên gọi khác là Chiến) **15** (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30** (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Cao Anh V, Nguyễn Văn C cho UBND phường C, quận H, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong

thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Cao Anh V, Nguyễn Văn C.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do C đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị Q đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Anh V, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA quận D;
- PV06; PC 10;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND nơi bị cáo cư trú,
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền
- TAND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng